

-	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Nam	1.257.982		1.257.982											
-	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Định	279.307.514		279.307.514											
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất đai nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.115.470.998	3.245.660	5.620.660		1.106.604.678									
12.	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	474.366.826.816	11.366.979.147	156.012.970.214	42.955.241	11.877.773.301	311.880.227	288.637.534	78.271.472	81.116.090	33.431.889.716	2.325.746.989	565.112.388		257.983.494.497
-	Kiểm toán hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	40.640.988.013	6.222.025.965	20.068.560.526		8.841.117.600					5.509.283.922				
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường	346.953.193	346.953.193												
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	248.978.240.006	2.367.438.108	55.893.653.809						81.116.090			22.058.909		190.613.973.090
-	Kiểm toán hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Long An	70.943.594.348	29.343.246	68.553.083.327		1.830.783.500							530.384.275		
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh	104.077.760.836	2.133.489.010	9.233.357.749		517.366.469	31.162.055		78.271.472		27.922.605.794	2.304.626.989	12.669.204		61.844.212.094
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Dương	7.021.742.592	3.541.718	509.808.994	42.955.241	610.832.132	40.657.660	288.637.534							5.525.309.313
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	2.357.547.828	264.187.907	1.754.505.809		77.673.600	240.060.512					21.120.000			

-	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022	1.652.318.124														1.652.318.124
16.	Kiểm toán nhà nước khu vực IX	159.558.175.103	416.113.492	3.498.631.636				42.764.655	36.403.792							155.564.261.528
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh An Giang	157.302.173.368	185.681.921	2.281.891.629				15.122.189								154.819.477.629
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh Tiền Giang	2.219.925.555	194.355.391	1.216.740.007				27.642.466	36.403.792							744.783.899
-	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Vĩnh Long; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Vĩnh Long	36.076.180	36.076.180													
17.	Kiểm toán nhà nước khu vực X	18.230.383.809	807.857.840	804.266.897				496.543.000	5.820.300	448.522.125			26.461.240			15.640.912.407
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên	720.116.300	62.705.900	155.692.975				47.375.000	5.820.300	448.522.125						
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang	148.542.994		148.542.994												
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn	17.090.962.137	745.151.940	229.268.550				449.168.000					26.461.240			15.640.912.407
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang	270.762.378		270.762.378												
18.	Kiểm toán nhà nước khu vực XI	14.995.782.411	1.628.569.732	2.942.433.354				17.075.232					33.534.800		10.361.397.197	12.772.096
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thanh Hóa	14.782.934.835	1.542.936.444	2.865.829.098										10.361.397.197		12.772.096

-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình	212.847.576	85.633.288	76.604.256				17.075.232				33.534.800			
19.	Kiểm toán nhà nước khu vực XII	71.345.649.000	117.758.000	1.443.098.000					37.932.000			23.689.000		792.126.000	68.931.046.000
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 tại tỉnh Đắk Nông	398.734.000		398.734.000											
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Lắk và Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Lắk	64.309.583.000	117.758.000	1.044.364.000				37.932.000				23.689.000		792.126.000	62.293.714.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai	6.637.332.000													6.637.332.000
20.	Kiểm toán nhà nước khu vực XIII	39.393.165.277	2.538.336.401	28.366.415.777				1.115.113.043	531.142.501	20.189.537				6.821.968.018	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề công tác bảo vệ môi trường về thu gom xử lý rác thải, xử lý tiêu thoát nước thải giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	35.442.803.791	2.511.063.362	26.096.571.011				13.201.400					6.821.968.018		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.616.546.740		982.305.834				1.082.908.868	531.142.501	20.189.537					
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	1.333.814.746	27.273.039	1.287.538.932				19.002.775							